

Số TN: 1200/QTVH/2023/3028/MTX-KQ/HTAC208/5604

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : CÔNG TY THI CÔNG CƠ GIỚI VIGLACERA
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trung tâm điều hành Khu công nghiệp Phú Hà
3. Địa chỉ : Khu công nghiệp Phú Hà, xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT1; NT2
6. Ngày lấy mẫu : 26/06/2023



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT1	NT2	QCVN 40: 2011/BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29,6	28,5	40
2	Màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	20,1	<LOQ (15)	50
3	pH	-	TCVN 6492:2011	6,2	6,7	6 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN6001-1:2008	102,0	8,0	30
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	192,0	12,8	75
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	33,0	19,0	50
7	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,05
8	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0006)	KPH (MDL=0,0006)	0,005
9	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,1
10	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0001)	KPH (MDL=0,0001)	0,05
11	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3111B:2017 + TCVN 6658:2000	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	0,2
12	Crom (VI)	mg/L	TCVN 6658:2000	<LOQ (0,009)	<LOQ (0,009)	0,05
13	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	2
14	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,035)	KPH (MDL=0,035)	3
15	Niken	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,2
16	Mangan	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,5
17	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	0,465	0,156	1
18	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2017	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	0,07
19	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,1
20	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,9	1,8	5
21	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,50	0,12	0,2
22	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D: 2017	0,18	0,22	5

